

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2025
V/v: Yêu cầu không công nhận là
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và ông Đỗ Hồng Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025; về “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn M Đ, xã B T H, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M Đ, xã B T H, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, chị Phạm Thị H trình bày:**

- Chị và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, chị và anh Đ sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung. Một vài năm trở lại đây hai người phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2025. Chị nhận thấy cần chấm dứt mối quan hệ với anh Đ để yên tâm làm ăn, nên chị đề nghị Tòa án không công nhận cho chị và anh Đ là vợ chồng.

- Chị và anh Đ có 3 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 19/12/1997; Nguyễn Phương Th, sinh ngày 01/9/2003 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/7/2012. Chị đề nghị Toà án giao con chung Nguyễn Ngọc A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng vì anh Đ có điều kiện về kinh tế và có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn chị; Chị mới đi làm Công nhân ở Công ty, thu nhập thấp nên chị không có điều kiện để cấp dưỡng cho con A.

- Về tài sản: Chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn, anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:**

Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn giữa anh và chị H như chị H khai. Anh nhất trí với việc chị H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

Anh và chị H có 03 con chung như chị H khai. Anh nhận nuôi con Nguyễn Ngọc A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Xác minh tại UBND xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên có nội dung:**

UBND xã Bắc Tiên Hưng không có thông tin, lưu trữ hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn đối với công dân Phạm Thị H và Nguyễn Xuân Đ; Đều ở địa chỉ: Thôn Minh Đức, xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Hưng Yên phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ. Giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/7/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về yêu cầu không công nhận là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ có nơi cư trú tại thôn thôn Minh Đức, xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên; Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính); Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao.

*** Về nội dung:**

[1]. Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quan hệ vợ chồng.

Quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị H và anh Đ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cả chị H và anh Đ đều trình bày một vài năm gần đây giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, từ tháng 7 năm 2025 đến nay anh chị đã không sống chung cùng nhau và không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là có thật, khó có thể tiếp tục duy trì hôn nhân, vì vậy xét yêu cầu của Chị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng, anh Đ cũng đồng ý. Yêu cầu của chị H là chính đáng và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Con Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 19/12/1997 và Nguyễn Phương Th, sinh ngày 01/9/2003 đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng. Con Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/7/2012 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh Đ. Hiện tại anh Đ có điều kiện kinh tế và có thời gian chăm sóc con hơn chị H. Việc giao con Ánh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con Ánh nên cần giao con Ánh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

[3] Về tài sản: Chị H và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính); Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ.

2/. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/7/2012 cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Ngọc A.

Chị Phạm Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002556 ngày 23/10/2025 tại Thi Hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Bắc Tiên Hưng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Kiên Trung

